TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 121/2019/QĐST- HNGĐ	*Đồng Hới, ngày 05 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397, Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 163/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Chị Hà Thục A, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Nhóm A, tổ dân phố B, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình.

+ Anh Trần Mạnh T, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Châu A, Quảng Ch, Sầm S, Thanh Hóa

Địa chỉ tạm trú: Số B, Đình Th, tổ C, Mỹ I, Nam L, Thành Phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 6 năm 2019 các đương sự đã thỏa thuận:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thục A và anh Trần Mạnh T có quá trình tìm hiểu hoàn toàn tự nguyện. Có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Ch, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, mặc dù cả hai đều đã nổ lực cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Chị A và anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A và anh T đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị A và anh T thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trần Hà Tuệ A, sinh ngày 24/11/2016. Chị A và anh T đã thỏa thuận giao cháu Trần Hà Tuệ A cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Tuệ A mỗi tháng 2.000.000 đồng,

kể từ tháng 7/2019 cho đến khi cháu Tuệ A tròn 18 tuổi. Chị A, anh T yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của anh chị về con chung.

[3] Về tài sản chung: Chị A, anh T đều thỏa thuận tự phân chia tài sản chung và yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của anh chị về tài sản chung.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Hà Thục A và anh Trần Mạnh T mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thục A và anh Trần Mạnh T.

- Về con chung: Chị A và anh T thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trần Hà Tuệ A, sinh ngày 24/11/2016. Chị A và anh T đã thỏa thuận giao cháu Trần Hà Tuệ A cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Tn có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Tuệ A mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 7/2019 cho đến khi cháu Tuệ A tròn 18 tuổi.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền qua lại, thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị A, anh T đều thỏa thuận tự phân chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Áp dụng Điều 144; khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 4; Điều 6; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, chị A và anh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Chị A, anh T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự mà anh chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0005320 ngày 11/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Chị A, anh T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP. Đồng Hới;
- UBND xã Ch,
huyện X, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Phúc Nam